TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 379/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 63, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 344/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/7/2020 về việc yêu cầu công nhận Thuận tình ly hôn giữa:

Người yêu cầu:

1. Anh Trần Đình C - sinh năm 1973

HKTT và nơi ở : Số 1 ngõ 1050 Đường L, phường N, quận B, Hà Nội.

2. Chị Trần Thị T - sinh năm 1983

HKTT và nơi ở : Số 1 ngõ 1050 Đường L, phường N, quận B, Hà Nội.

[1]. Anh Trần Đình C và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và chung sống năm 2015, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2016 tại UBND phường N, quận Ba Đình, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Anh Trần Đình C và chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu Thuận vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 13/7/2020 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo Đ xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Trần Đình C và chị Trần Thị T xác nhận quá trình vợ chồng có 01 con chung sinh ra trước khi Đăng ký kết hôn nhưng là con chung của vợ chồng cháu Trần Minh Đ sinh ngày 22/12/2015 . Khi ly hôn anh chị thỏa Thuận: Chị T nuôi con là cháu Trần Minh Đ. Anh C sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cho chị T là 5.000.000 đồng /1 tháng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Trần Minh Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Sau khi ly hôn anh chị sẽ tự lo về chỗ ở.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung: Anh Trần Đình C và chị Trần Thị T cùng xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung : Anh Trần Đình C và chị Trần Thị T cùng xác nhận không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí tòa án: Anh C tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa Thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đình C và chị Trần Thị T.

- Về con chung: Anh Trần Đình C và chị Trần Thị T có 01 con chung là: cháu Trần Minh Đ sinh ngày 22/12/2015.

Khi ly hôn: Giao con chung là cháu Trần Minh Đ cho mẹ là chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 5.000.000 đồng /1 tháng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Trần Minh Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

- Về tài sản và nhà ở chung: Anh C, chị T tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về nợ chung : không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Đình C tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí LHST, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai T tiền số AA/2018/ 0024609 ngày 07/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ba Đình;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán

Đặng Thu Phương